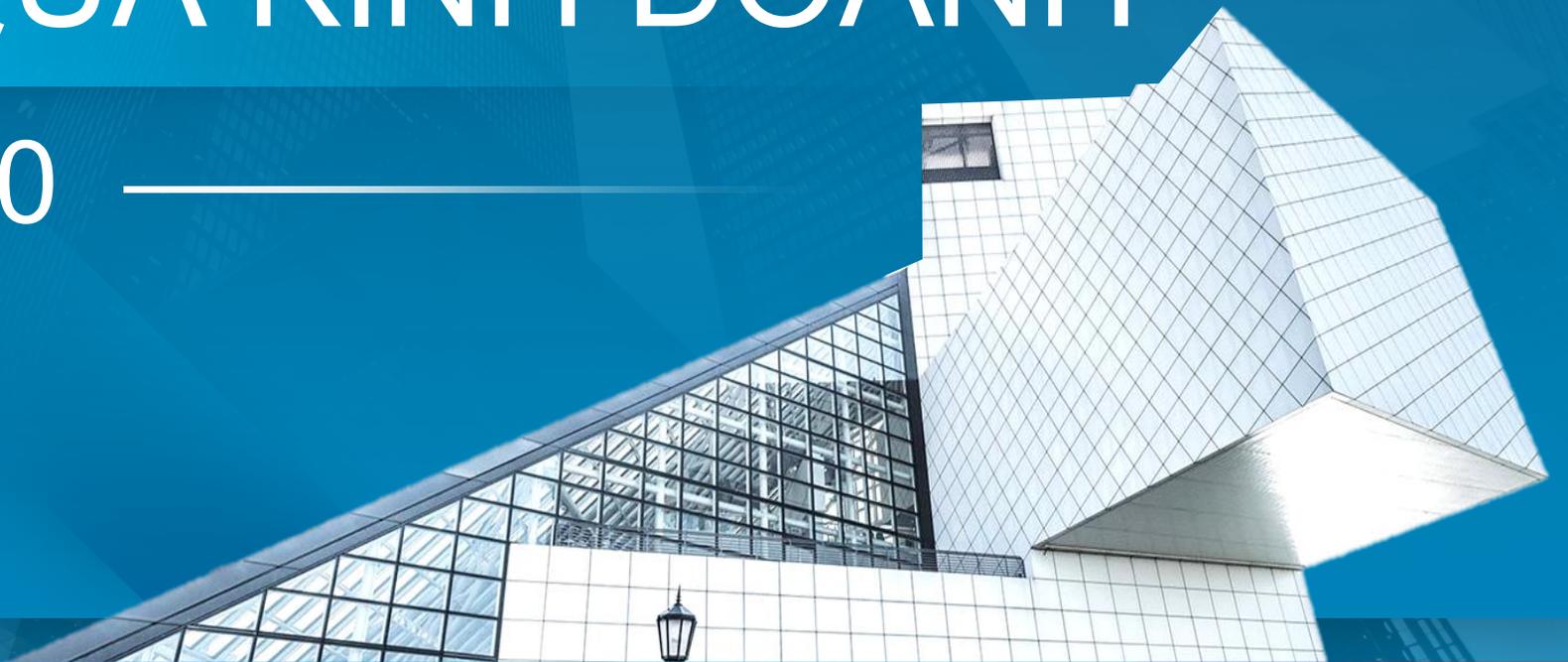


 CẬP NHẬT

KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2020





NỘI DUNG

01	Kết quả kinh doanh năm 2020	03
02	Triển vọng năm 2021	21
03	Chiến lược trung hạn 2021-2023	26
04	Phụ lục	32



KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2020

Điểm nhấn KQKD
năm 2020

Phân tích KQKD
năm 2020



01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Điểm nhấn kết quả kinh doanh năm 2020



Kết quả kinh doanh của VietinBank năm 2020 đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng hiệu quả kinh doanh lớn hơn nhiều lần so với tốc độ tăng trưởng quy mô năm thứ 3 liên tiếp

▲ 8,1% | **1.341**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản

▲ 10,4% | **85**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu

▲ 8,6% | **1.015**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Cho vay khách hàng

▲ 10,9% | **900**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Tiền gửi khách hàng

▲ 11,8% | **45.280**
TỶ ĐỒNG

Tổng thu nhập

▲ 44,9% | **17.070**
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế

▲ 2,1% | **16.062**
TỶ ĐỒNG

Chi phí hoạt động

▼ 6,6% | **12.148**
TỶ ĐỒNG

Chi phí DPRR TD

▲ 2019 13,1% | **16,9%**

ROE

▲ 2019 1,0% | **1,3%**

ROA

▼ 2019 38,8% | **35,5%**

CIR

▼ 2019 1,16% | **0,94%**

NPL

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Điểm nhấn kết quả kinh doanh năm 2020

QUY MÔ	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020
Tăng trưởng tổng tài sản (yoy)	6,6%	4,7%	4,9%	8,1%	6,6%	8,1%
Tăng trưởng tổng nợ phải trả (yoy)	6,2%	4,3%	4,5%	8,0%	6,1%	8,0%
Tỷ trọng CASA	14,9%	16,4%	18,0%	19,6%	17,0%	19,6%
Tăng trưởng tín dụng (ytd)	-0,4%	0,3%	1,8%	7,8%	7,3%	7,8%
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (P&L)	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020
Tăng trưởng TOI (yoy)	10,9%	-0,6%	10,9%	24,0%	42,4%	11,7%
Tăng trưởng NII (yoy)	5,9%	-5,2%	9,0%	18,3%	49,5%	7,2%
Tăng trưởng Non-NII (yoy)	34,7%	20,3%	18,9%	50,0%	17,4%	32,5%
Chi phí tín dụng	4,7%	4,5%	4,3%	3,9%	4,3%	3,9%
CIR	31,0%	32,9%	32,6%	43,6%	38,8%	35,5%
Tăng trưởng LN thuần trước chi phí DPRR tín dụng (yoy)	15,2%	4,3%	17,2%	35,9%	72,6%	17,9%
Tăng trưởng LNTT (yoy)	-5,7%	105,6%	-7,0%	101,8%	79,6%	44,9%
CHẤT LƯỢNG NỢ & TÀI SẢN	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020
KHẢ NĂNG SINH LỜI	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020
NIM	2,8%	2,7%	2,8%	2,8%	2,8%	2,8%
ROA	1,0%	1,2%	1,1%	1,3%	1,0%	1,3%
ROE	12,4%	15,3%	13,9%	16,9%	13,1%	16,9%
VỐN VÀ THANH KHOẢN	1Q20	2Q20	3Q20	4Q20	2019	2020
Tỷ lệ LDR	87,7%	86,9%	84,5%	86,1%	88,1%	86,1%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	28,3%	30,5%	29,4%	29,3%	32,0%	29,3%
Tỷ lệ NPL	1,8%	1,7%	1,9%	0,9%	1,2%	0,9%

01

Nguồn vốn CASA tiếp tục được cải thiện, **tăng 27,8%** (yoy).

02

Tổng thu nhập hoạt động **tăng 11,7%** (yoy) nhờ tăng ở tất cả các mảng hoạt động: thu nhập lãi thuần, thu thuần dịch vụ, thu thuần từ hoạt động kinh doanh vốn và thị trường.

03

Thu nhập ngoài lãi **tăng 32,5%**. Thu nhập hoạt động kinh doanh ngoại tệ **tăng 27,8%**. Tỷ lệ thu ngoài lãi tăng từ 19,7% lên **22,9%**.

04

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt **17.070 tỷ đồng, tăng 45%** (yoy) (Cắt giảm gần **5.000 tỷ đồng** lợi nhuận chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp và người dân ảnh hưởng bởi dịch COVID-19).

05

CIR được kiểm soát ở mức **35,5%**

06

Nợ xấu được kiểm soát dưới **1%**. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt **132%**. Mua lại trước hạn toàn bộ nợ bán VAMC.

07

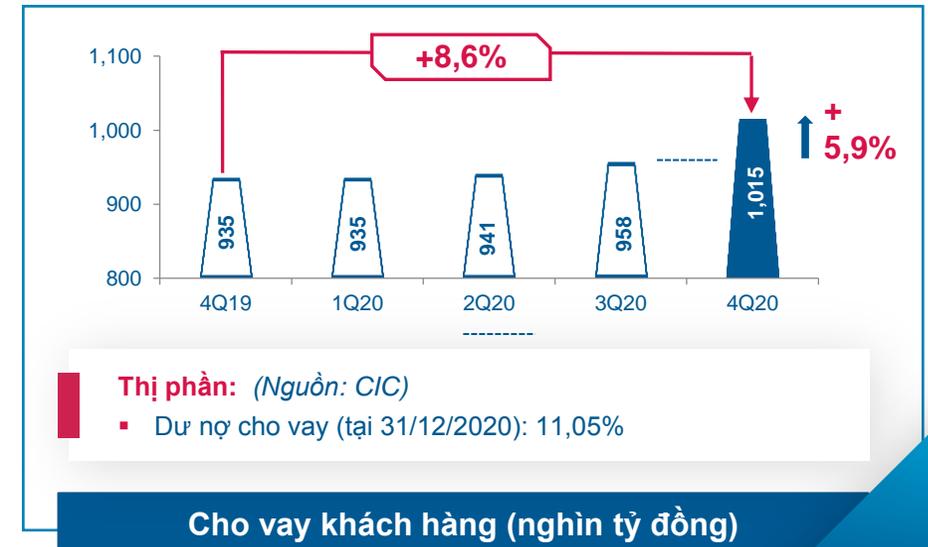
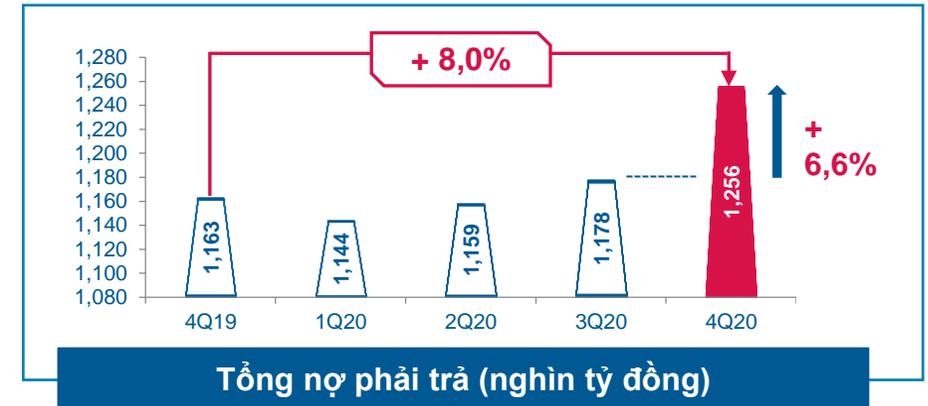
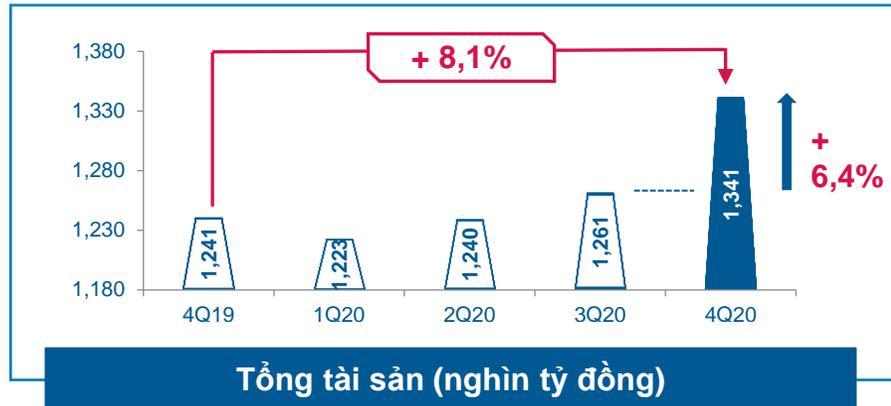
Khả năng sinh lời được cải thiện, **ROE đạt 16,9%**.

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Các chỉ tiêu quy mô tăng trưởng ổn định

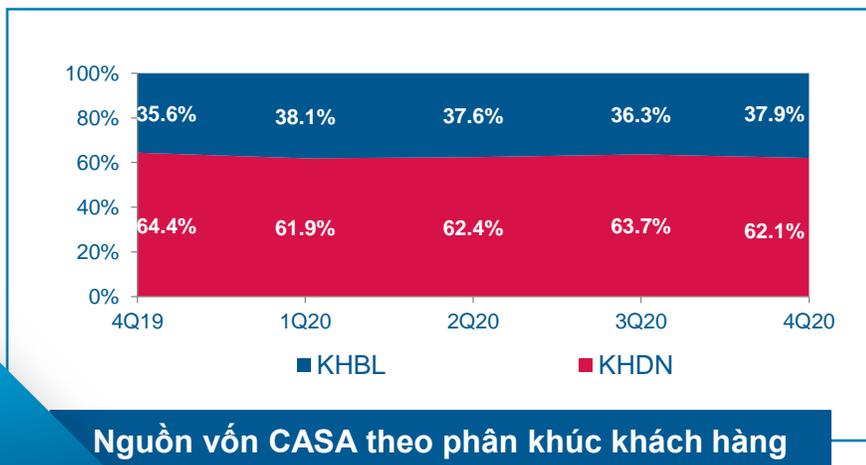
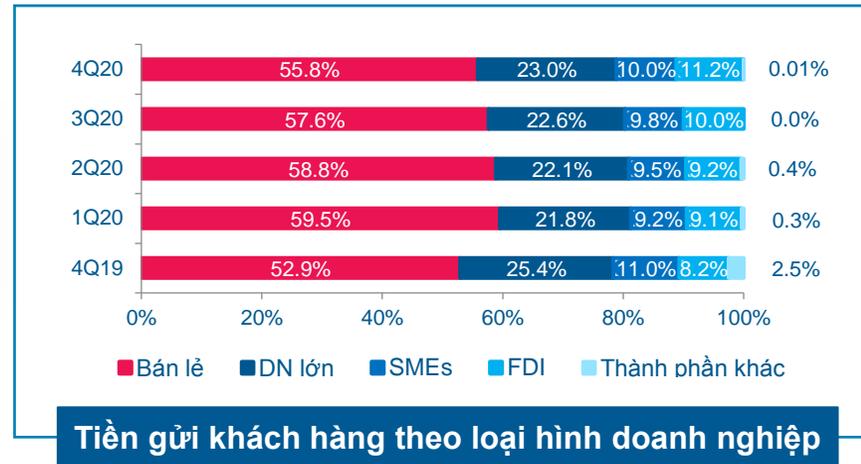
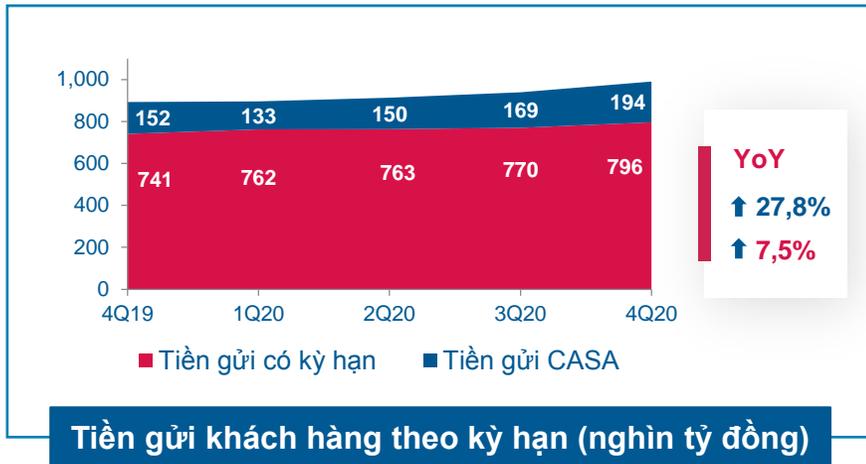


Các chỉ tiêu quy mô tăng trưởng ổn định. Huy động vốn được cân đối tối ưu với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh



01. Kết quả kinh doanh năm 2020

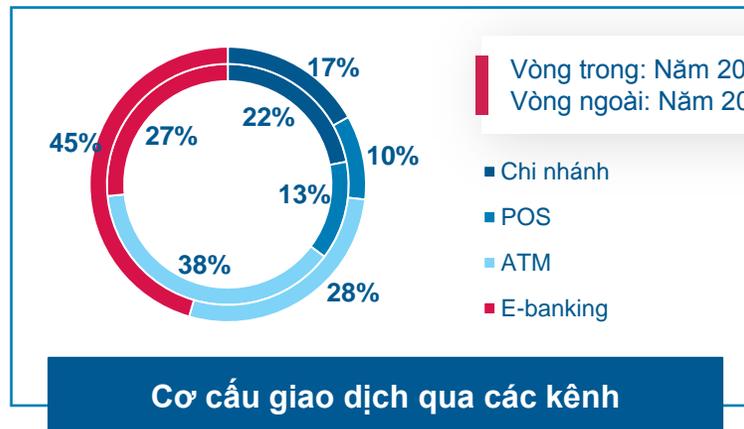
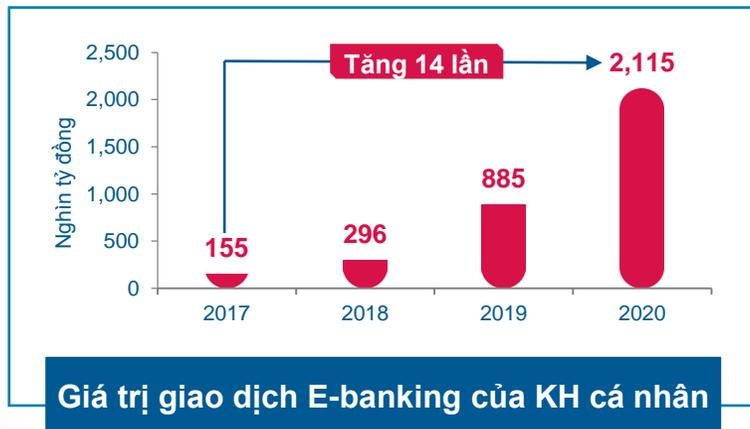
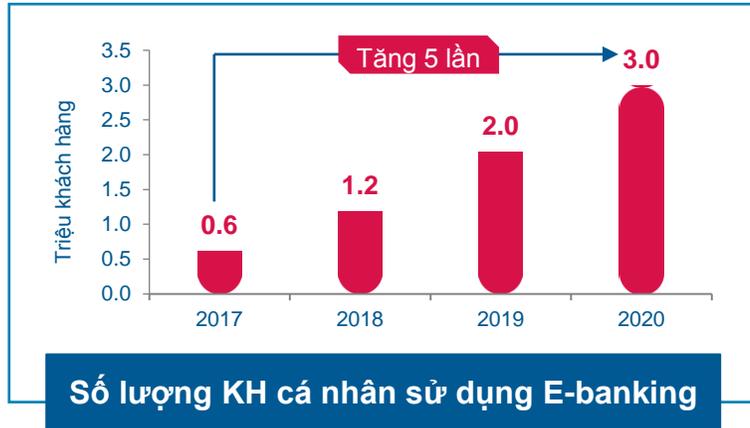
Cơ cấu nguồn vốn chuyển dịch tích cực



- Nguồn vốn CASA năm 2020 tiếp tục được cải thiện, tăng 27,8% so với năm 2019. Tăng tỷ trọng tiền gửi CASA và các tháng kỳ hạn ngắn nhằm tối ưu hóa chi phí vốn.
- Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch tích cực với tỷ trọng tiền gửi phân khúc khách hàng bán lẻ và khách hàng FDI gia tăng.

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Nguồn vốn CASA tăng trưởng nhờ đẩy mạnh số hóa dịch vụ tài chính cá nhân



- Đầu tư phát triển ngân hàng số, tăng cường tiện ích cho KHBL theo hướng khuyến khích chuyển dịch từ kênh thanh toán tại quầy sang kênh thanh toán online.
- Số lượng khách hàng, khối lượng và giá trị giao dịch qua E-banking tăng trưởng mạnh mẽ

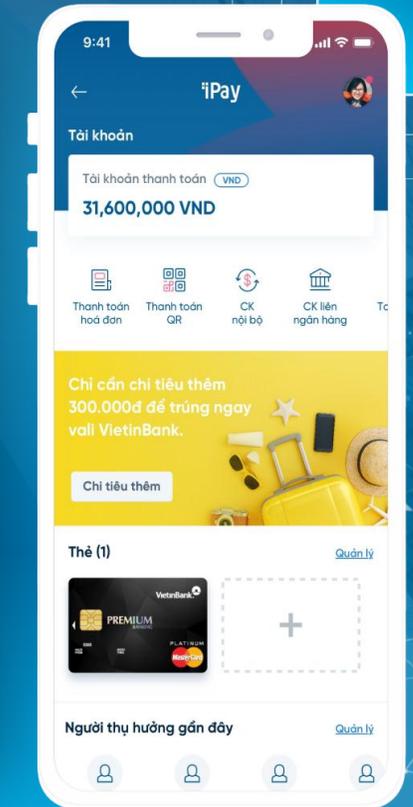


01. Kết quả kinh doanh năm 2020

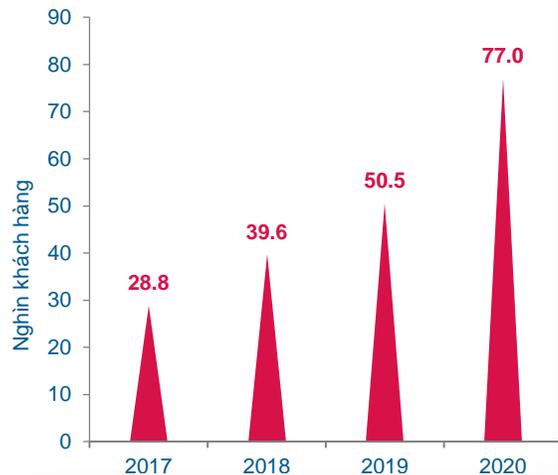
Đẩy mạnh số hóa dịch vụ tài chính cho KHDN (VietinBank eFast)

- VietinBank eFAST là ứng dụng hiện đại nhất, đã trở thành kênh giao dịch thu hút CASA, tiết giảm chi phí vận hành và trở thành kênh giao dịch phổ biến cho KHDN trong thời gian qua nhờ tính năng nhanh, mạnh, an toàn và bảo mật.
- Khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử eFast tăng trưởng mạnh mẽ.

eFAST

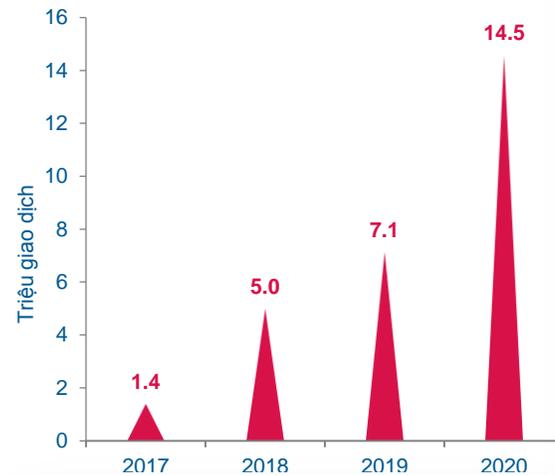


Số lượng KHDN sử dụng kênh điện tử



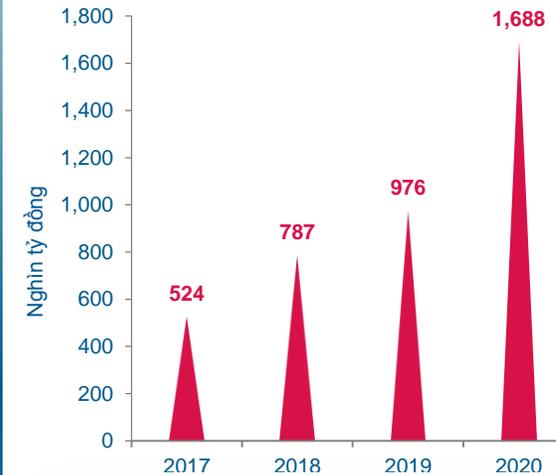
2,7 lần
về số lượng khách hàng

Khối lượng giao dịch qua kênh điện tử của KHDN



10,7 lần
về khối lượng giao dịch

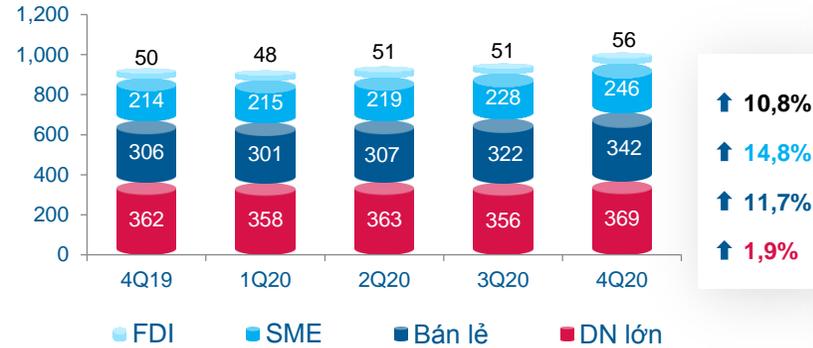
Giá trị giao dịch qua kênh điện tử của KHDN



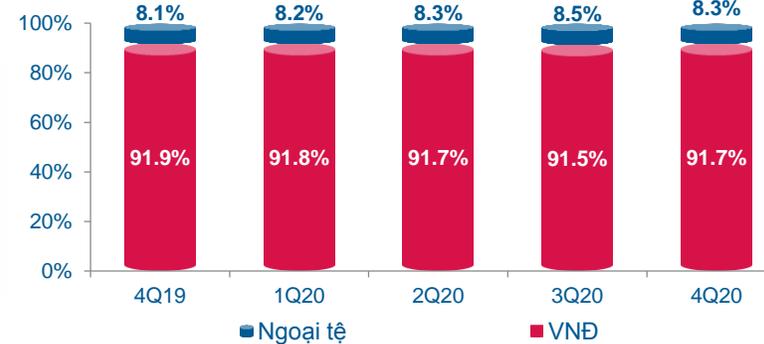
3,2 lần
về giá trị giao dịch

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

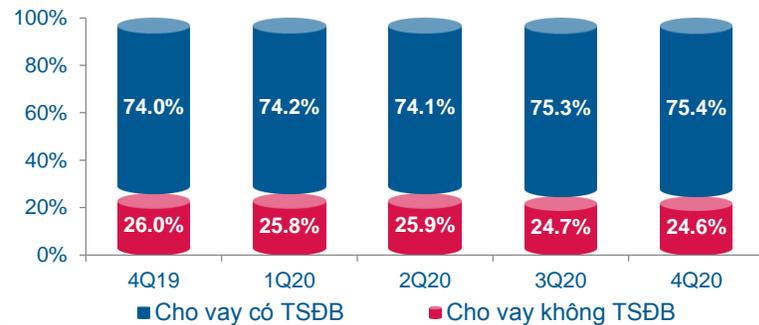
Cơ cấu cho vay chuyển dịch tích cực theo đúng chiến lược kinh doanh



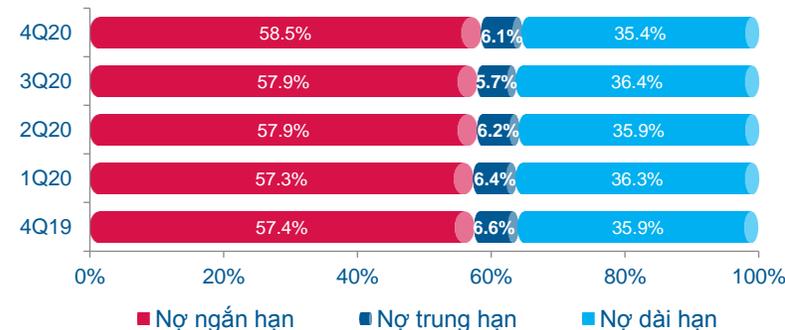
Cho vay khách hàng theo phân khúc (nghìn tỷ đồng)



Cơ cấu cho vay theo đồng tiền



Tỷ trọng cho vay có TSDB và không có TSDB



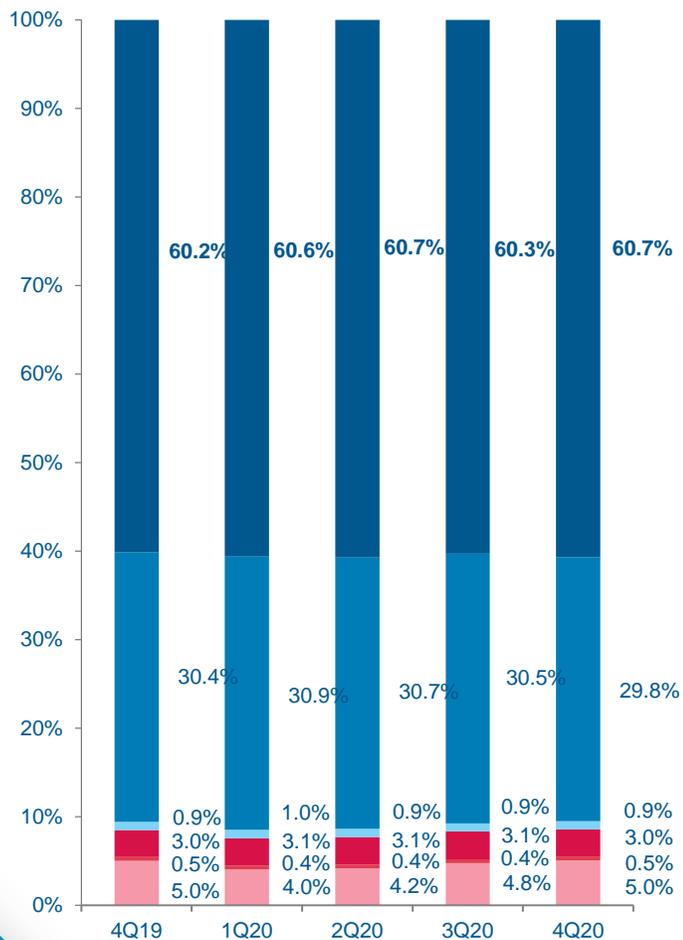
Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn

Tiếp tục tăng trưởng tín dụng bền vững, thúc đẩy tăng trưởng phân khúc bán lẻ và SMEs, ưu tiên tín dụng cho sản xuất kinh doanh, tăng tỷ trọng các sản phẩm có lợi suất cao và kiểm soát rủi ro trong hạn mức nhằm duy trì khả năng sinh lời của danh mục.



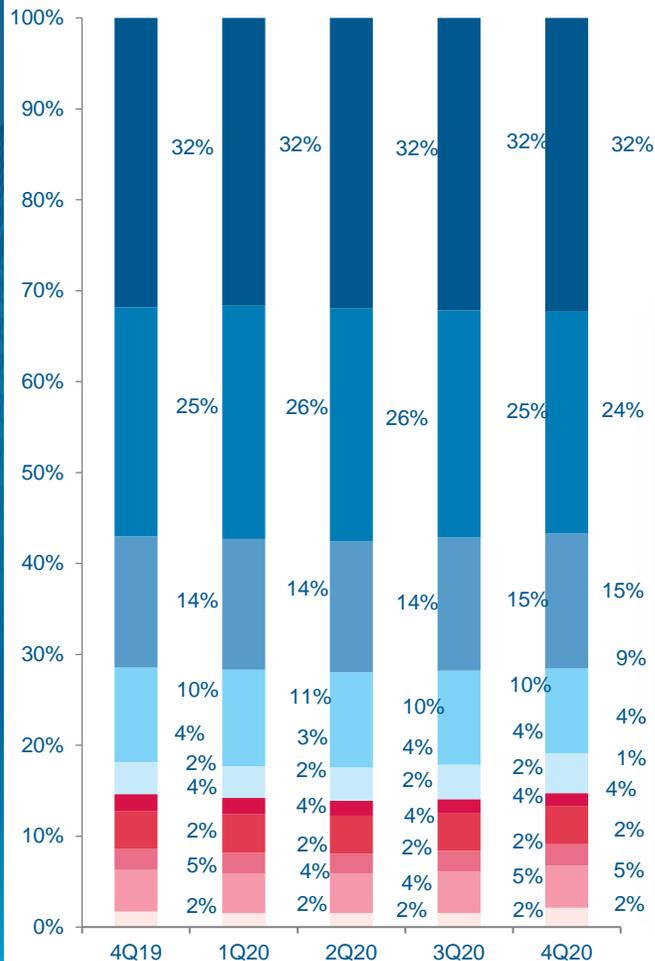
01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Chuyển dịch danh mục cho vay theo các sản phẩm, ngành nghề nhiều tiềm năng



Cơ cấu cho vay cá nhân theo sản phẩm

- Sản xuất kinh doanh
- Vay mua nhà
- Vay mua ô tô
- Vay tiêu dùng khác
- Thẻ tín dụng
- Sản phẩm khác



Cơ cấu cho vay cá nhân theo ngành nghề

- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Thương mại, dịch vụ
- Xây dựng
- SX&PP điện, khí đốt, nước nóng
- Khai khoáng
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
- Vận tải kho bãi và thông tin, truyền thông
- Hoạt động làm thuê hộ gia đình
- Các ngành khác

- Cơ cấu cho vay tập trung vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển như sản xuất và phân phối điện, thương mại (như vật liệu xây dựng, thực phẩm đồ uống, thiết bị y tế, cao su...);
- Cơ cấu cho vay cá nhân tập trung vào cho vay sản xuất kinh doanh và vay mua nhà. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tỷ trọng cho vay mua nhà đã giảm nhẹ từ 30,4% năm 2019 xuống 29,8% năm 2020.

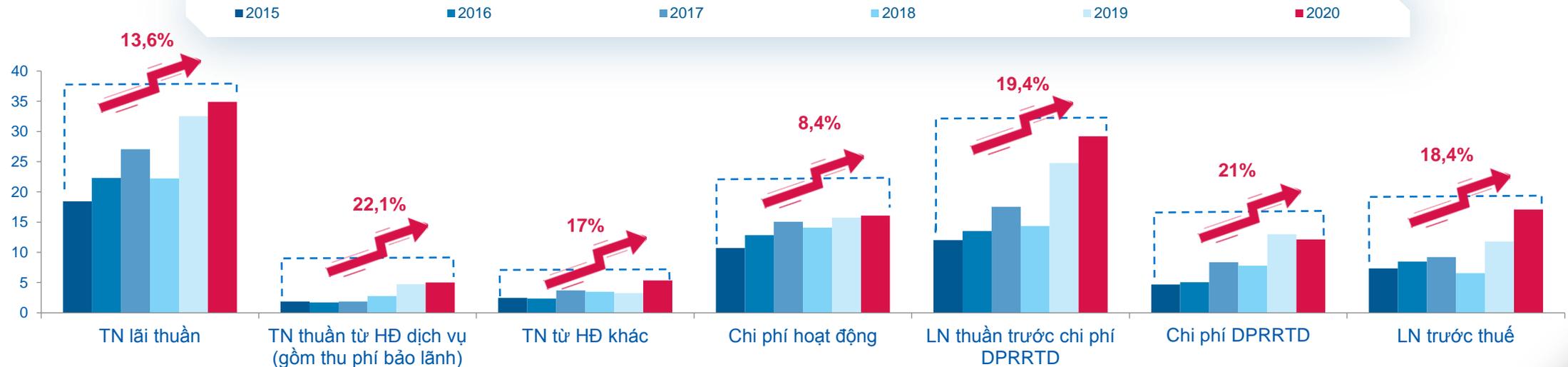
01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Lợi nhuận trước thuế tăng nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐẠT 17.070 TỶ ĐỒNG, TĂNG NHỜ:

- ✓ Thu nhập lãi thuần tăng trưởng ổn định.
- ✓ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng nhanh
- ✓ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán hợp lý, hiệu quả.
- ✓ Thu hồi từ nợ xử lý rủi ro tăng mạnh.
- ✓ Kiểm soát chi phí hiệu quả.
- ✓ Chất lượng nợ được kiểm soát.

Diễn biến thu nhập và chi phí (nghìn tỷ đồng)



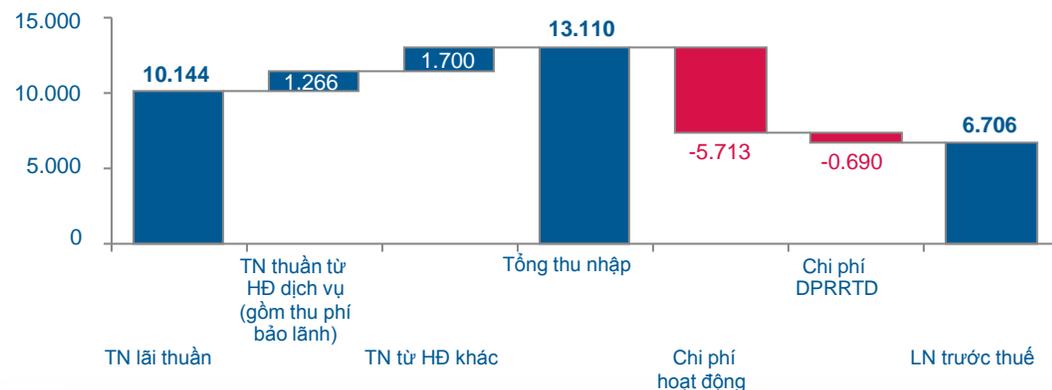
01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Lợi nhuận trước thuế tăng nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý

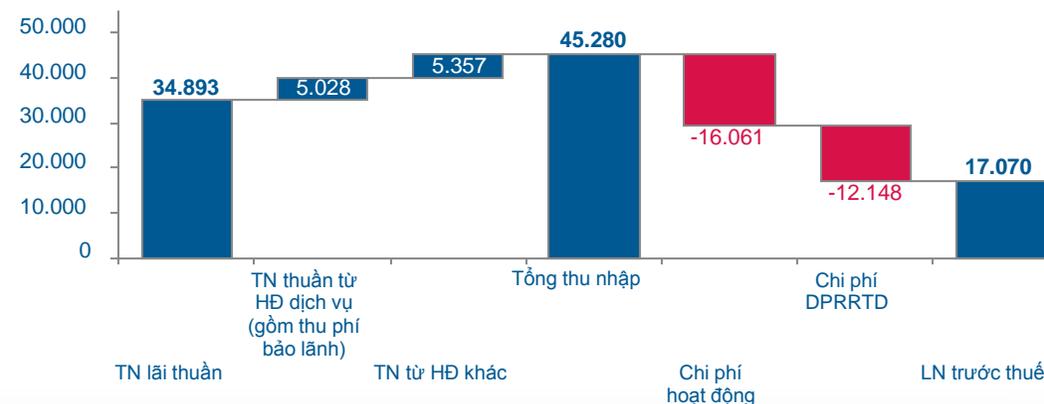
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐẠT 17.070 TỶ ĐỒNG, TĂNG NHỜ:

- ✓ Thu nhập lãi thuần tăng trưởng ổn định.
- ✓ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng nhanh
- ✓ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán hợp lý, hiệu quả.
- ✓ Thu hồi từ nợ xử lý rủi ro tăng mạnh.
- ✓ Kiểm soát chi phí hiệu quả.
- ✓ Chất lượng nợ được kiểm soát.

Cấu phần lợi nhuận 4Q2020 (tỷ đồng)



Cấu phần lợi nhuận 2020 (tỷ đồng)



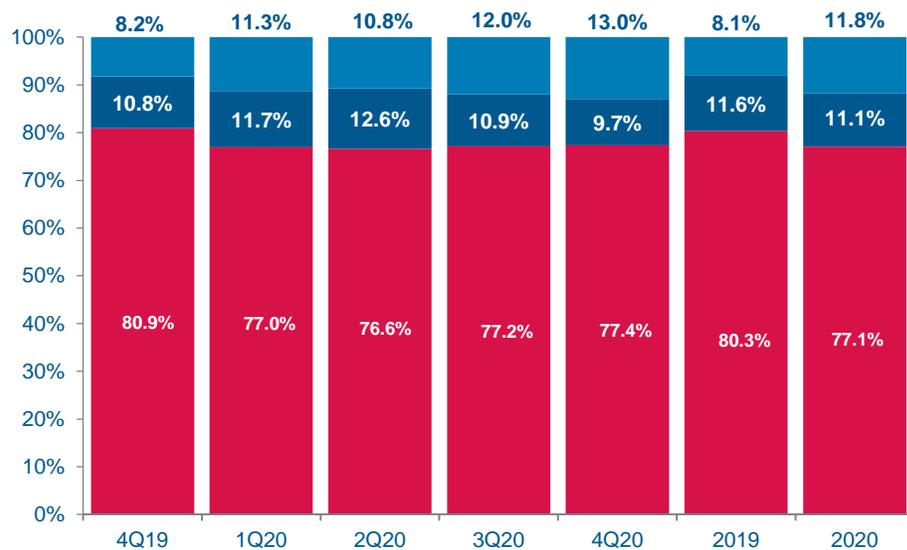
qoq +18,6% | +10,5% | +95,4% | +24% | +11,5% | -67,5% | +101,8%

yoy +7,2% | +7,0% | +64,1% | +11,8% | +2,1% | -6,6% | +44,9%

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

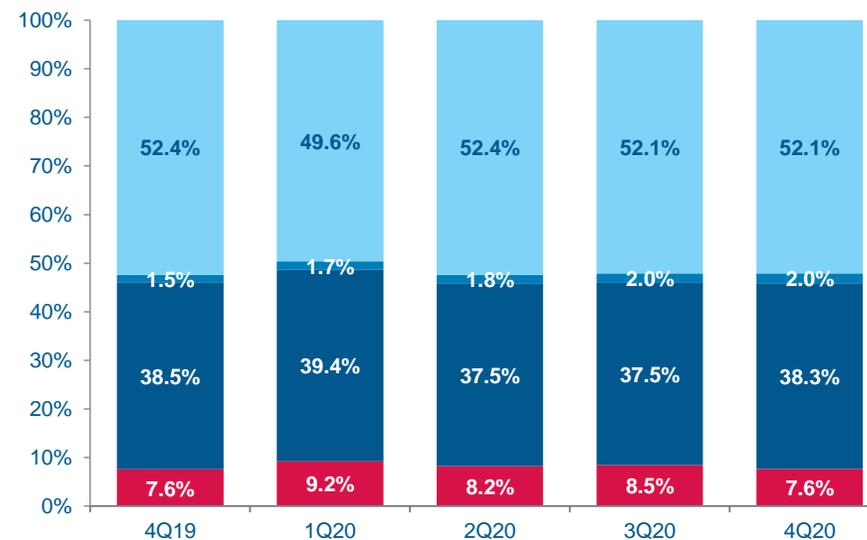
Cơ cấu thu nhập tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ

Cơ cấu các khoản thu nhập hoạt động



■ TN từ các HĐ khác ■ TN từ HĐ dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) ■ TN lãi thuần

Cơ cấu các khoản thu phí dịch vụ



■ Bảo lãnh ■ Thanh toán ■ Đại lý nhận ủy thác ■ Khác

THỊ PHẦN

10,74% Thanh toán xuất nhập khẩu năm 2020

12,1% Kinh doanh ngoại tệ trên thị trường 1 năm 2020

11,9% Doanh số sử dụng thẻ VietinBank 6T2020

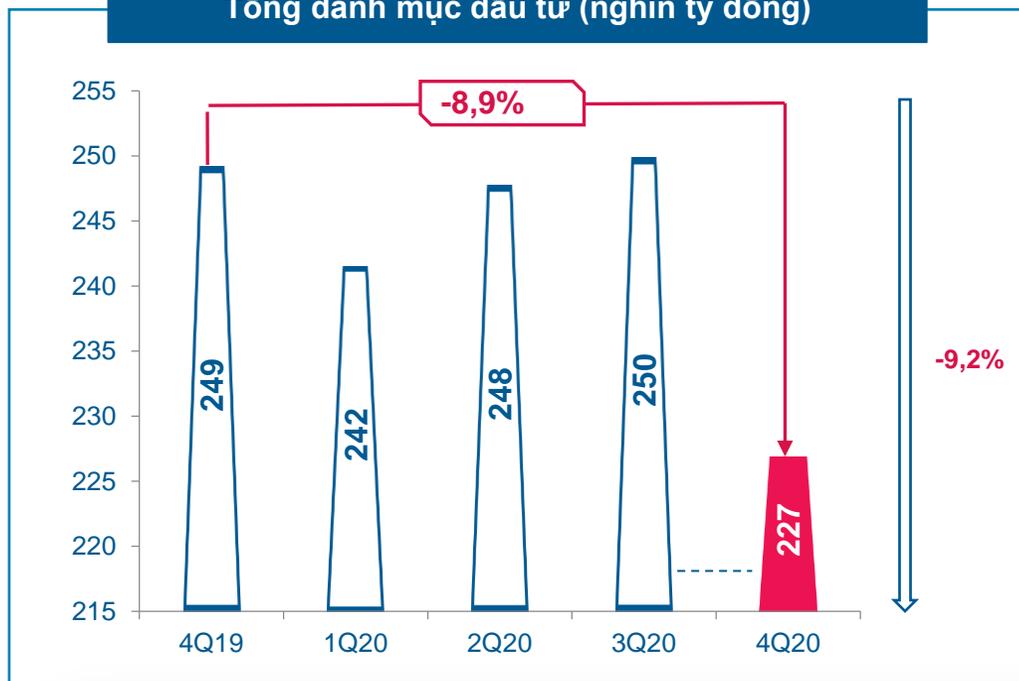
14,2% Doanh số thanh toán thẻ VietinBank 6T2020

- Tổng thu nhập hoạt động năm 2020 đạt 45.280 tỷ đồng (+11,8% so với năm 2019) nhờ tăng ở tất cả các mảng hoạt động: thu nhập lãi thuần, thu thuần dịch vụ, thu thuần từ hoạt động kinh doanh vốn và thị trường.
- Cơ cấu thu nhập tiếp tục có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng thu nhập ngoài lãi với tỷ trọng thu ngoài lãi tăng từ 19,7% năm 2019 lên 22,9% năm 2020.

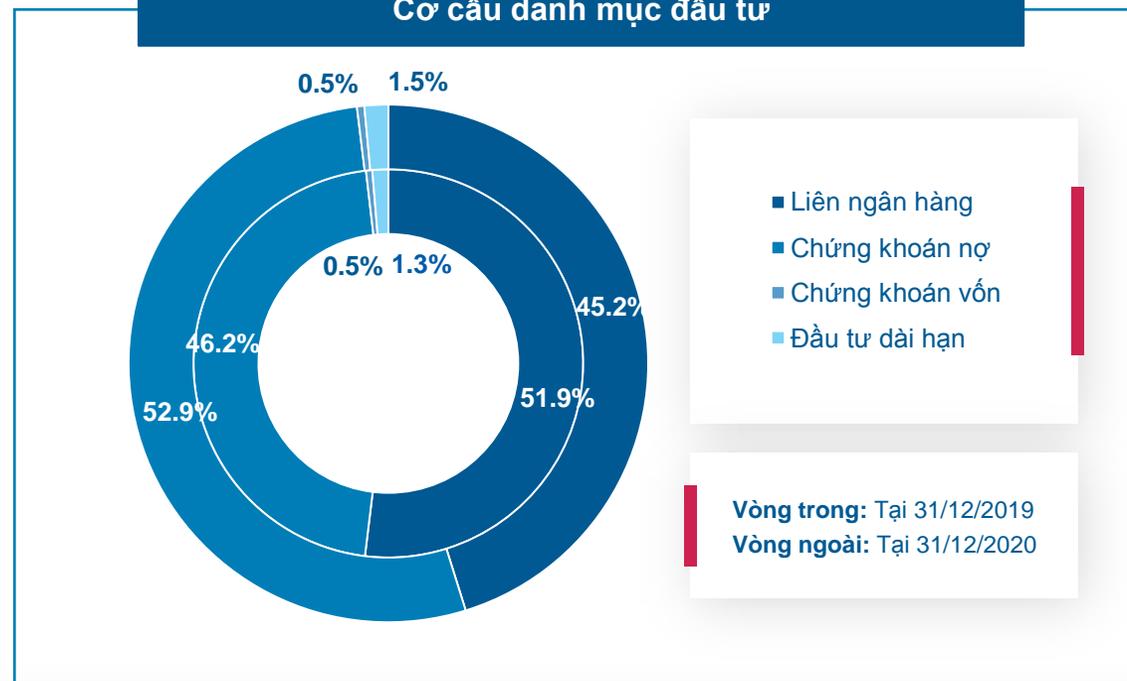
01. Kết quả kinh doanh năm 2020

HĐKD chứng khoán hiệu quả nhờ danh mục đầu tư an toàn và đa dạng

Tổng danh mục đầu tư (nghìn tỷ đồng)



Cơ cấu danh mục đầu tư



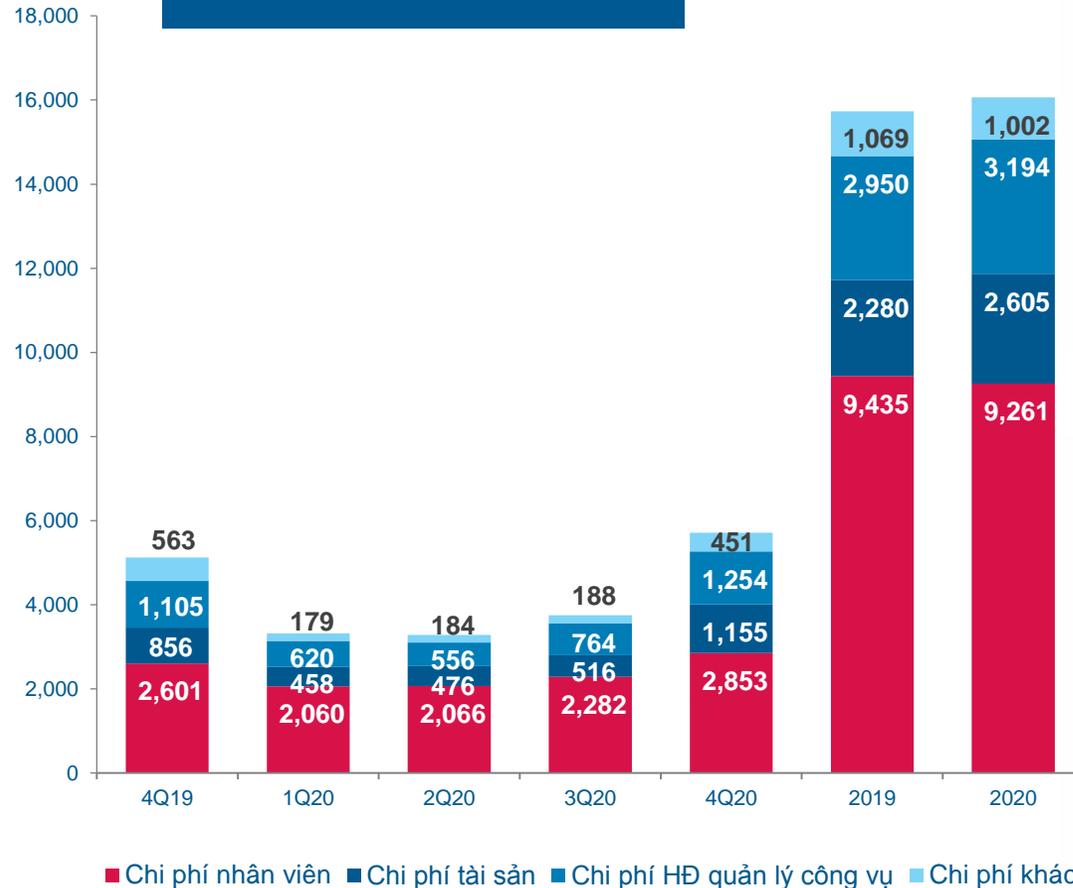
VietinBank đã chủ động cơ cấu, hiện thực hóa toàn bộ danh mục đầu tư, ghi nhận lợi nhuận tăng mạnh khi nhận thấy lãi suất đã giảm sâu từ Quý I/2020. Đến Quý IV/2020, VietinBank đã chủ động mở rộng hoạt động kinh doanh khi lãi suất tiếp tục điều chỉnh giảm, góp phần ghi nhận lợi nhuận cả năm tăng 45% so với năm 2019.

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

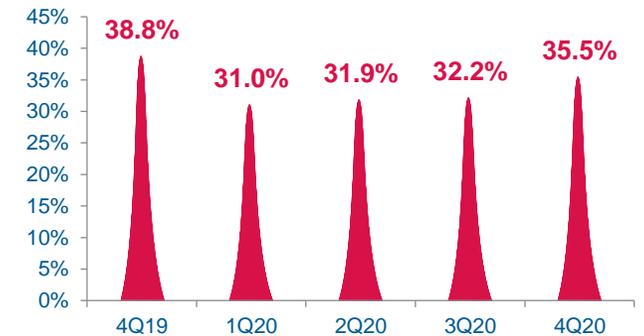
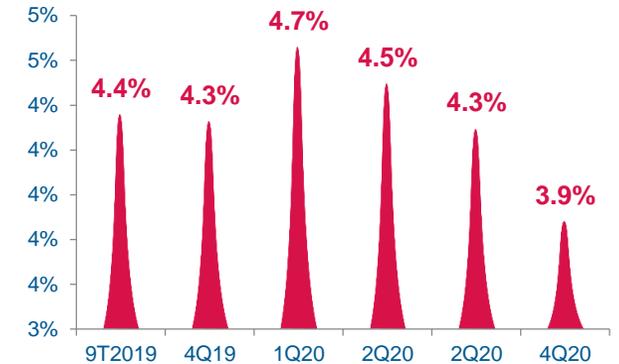
Quản trị chi phí hiệu quả

- Tỷ lệ CIR duy trì ở mức thấp và tiếp tục giảm từ 38,8% năm 2019 xuống 35,5% năm 2020. Chênh lệch thu - chi đạt mức cao nhất từ trước tới nay.
- Tỷ lệ COF năm 2020 là 3,9%, giảm 0,44% so với năm 2019. VietinBank định hướng kiểm soát chi phí huy động vốn trong đó chú trọng cải thiện tỷ trọng CASA để tạo tiền đề, cơ sở giảm lãi suất cho vay.

Cơ cấu các khoản chi phí hoạt động (tỷ đồng)



Tỷ lệ COF



Tỷ lệ CIR

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Chất lượng nợ tiếp tục được kiểm soát

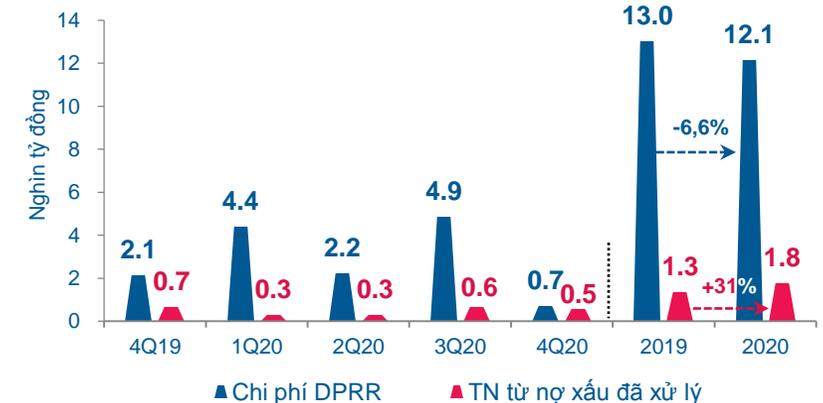


Tỷ lệ nợ xấu

- Kiểm soát chất lượng danh mục tín dụng: đẩy mạnh công tác sàng lọc, lựa chọn khách hàng; tăng cường công tác cảnh báo để nhận diện sớm rủi ro, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu hạn mức rủi ro.
- Đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu, tập trung nguồn lực, áp dụng đồng bộ và linh hoạt các giải pháp, biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ XLRR (+31% so với năm 2019).
- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức dưới 1%; Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 132% (+12 điểm % so với năm 2019).
- Mua lại trước thời hạn 3 năm 2 tháng đối với toàn bộ nợ trái phiếu VAMC (12.347 tỷ đồng).



Chi phí DPRR và thu hồi nợ XLRR



01. Kết quả kinh doanh năm 2020

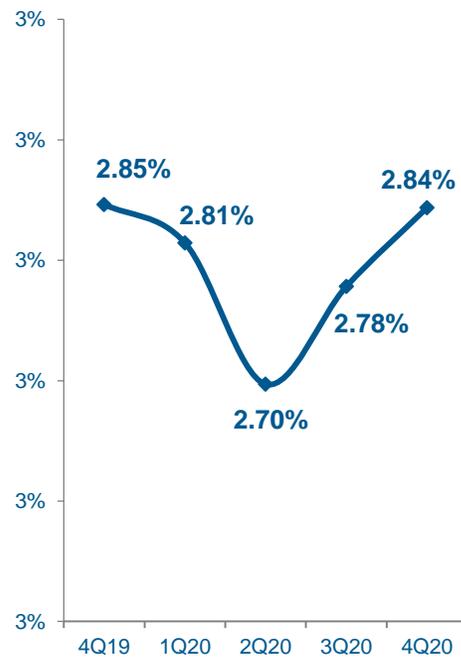
Hiệu quả kinh doanh cải thiện tích cực

- Các chỉ tiêu sinh lời của VietinBank tiếp tục cải thiện so với năm 2019.
- NIM được kiểm soát chặt chẽ và có xu hướng tăng qua các quý.

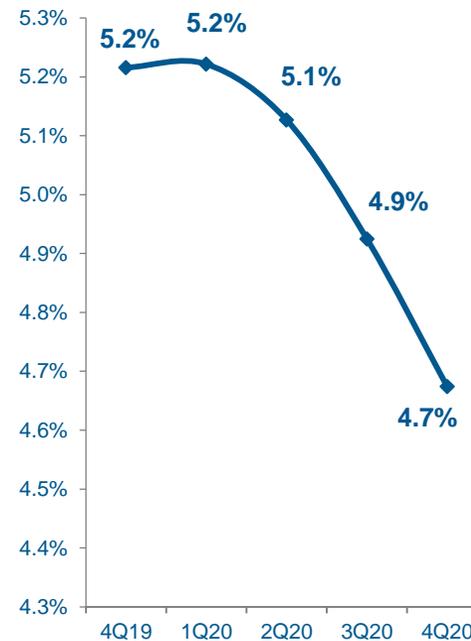
Lãi suất cho vay



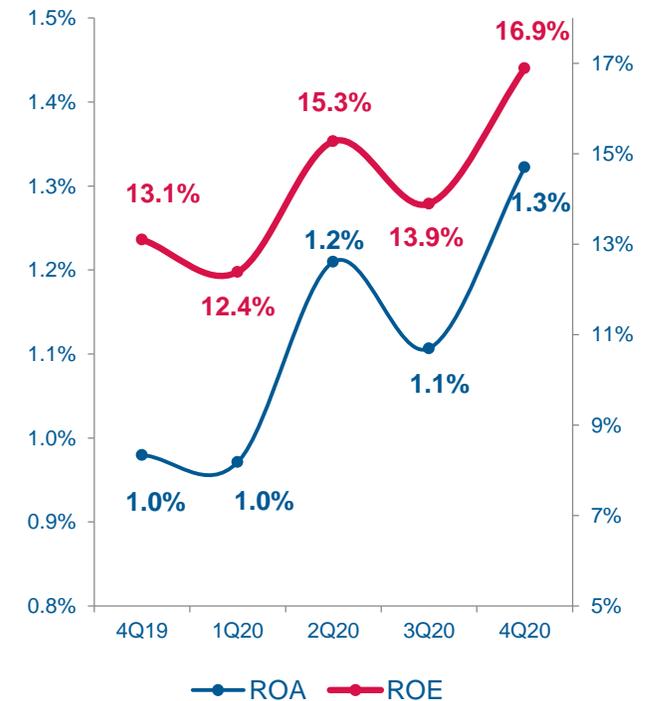
NIM



Lãi suất huy động

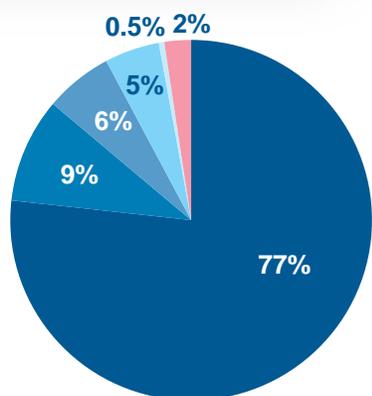


ROA, ROE

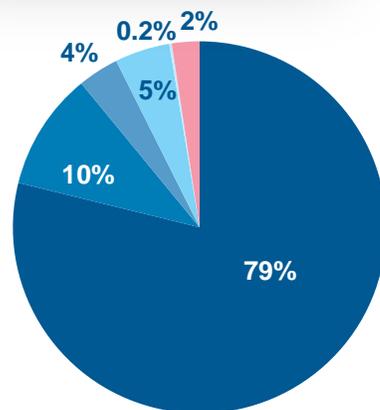


01. Kết quả kinh doanh năm 2020 Thanh khoản duy trì ổn định

2019:
1.163 nghìn tỷ đồng



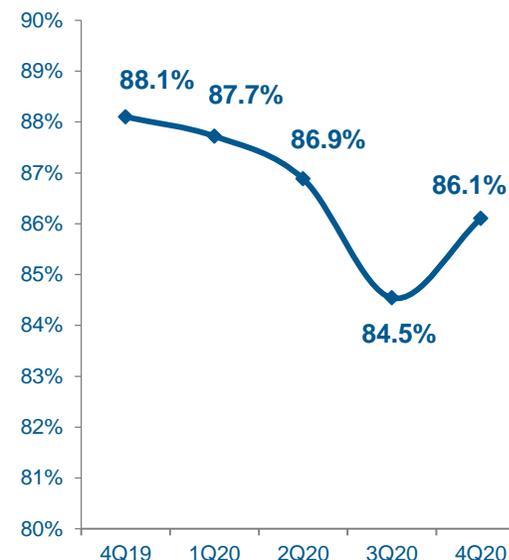
2020:
1.256 nghìn tỷ đồng



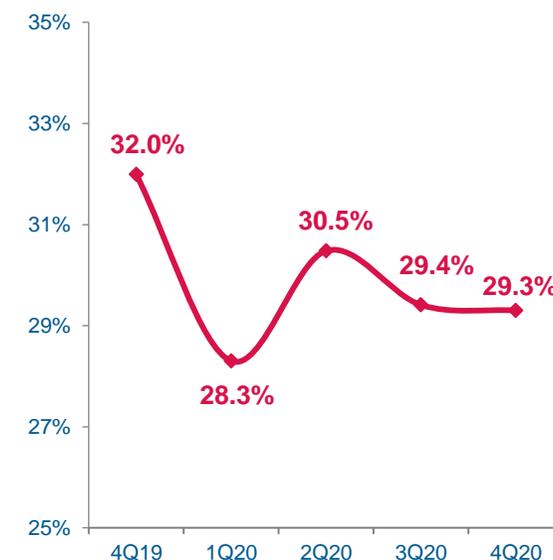
Cơ cấu huy động vốn

- Tiền gửi khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Vay Chính phủ và NHNN
- Nguồn huy động khác

Tỷ lệ LDR



Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn

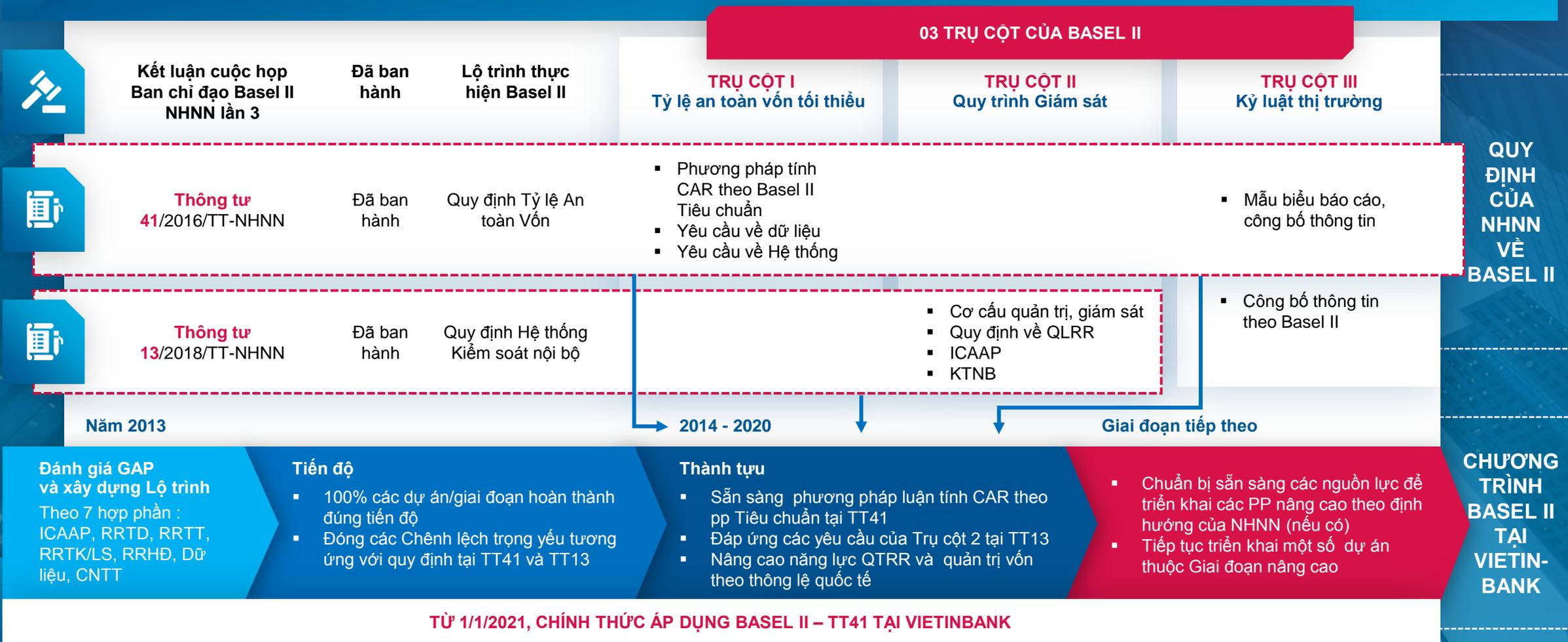


- Áp dụng chiến lược điều hành cân đối vốn linh hoạt, tận dụng tối đa các nguồn vốn có chi phí hợp lý, đảm bảo thanh khoản.
- Các chỉ tiêu thanh khoản được đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

01. Kết quả kinh doanh năm 2020

Triển khai tăng vốn điều lệ và chính thức áp dụng Basel II từ 01/01/2021

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại các năm 2017, 2018, 2019; chính thức áp dụng Basel II từ ngày 01/01/2021; là cơ sở để tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính, cải thiện chất lượng tài sản về chất, tăng khả năng sinh lời gắn liền với QTRR.



TRIỂN VỌNG

Năm 2021

Dự báo
kinh tế vĩ mô

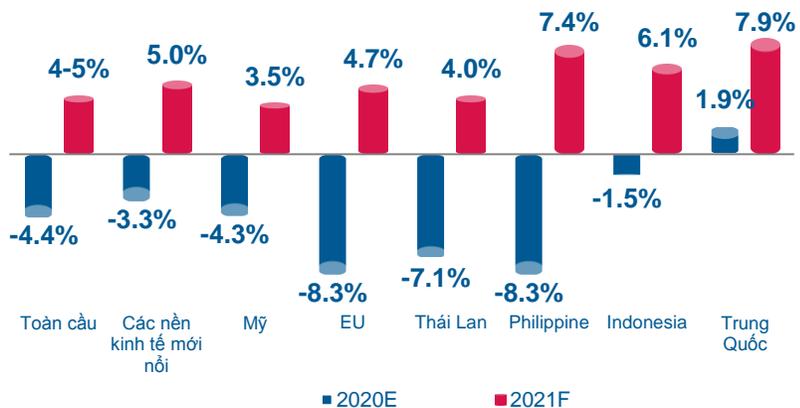
Dự báo hoạt động
ngành ngân hàng

Kế hoạch kinh doanh năm
2021 của VietinBank



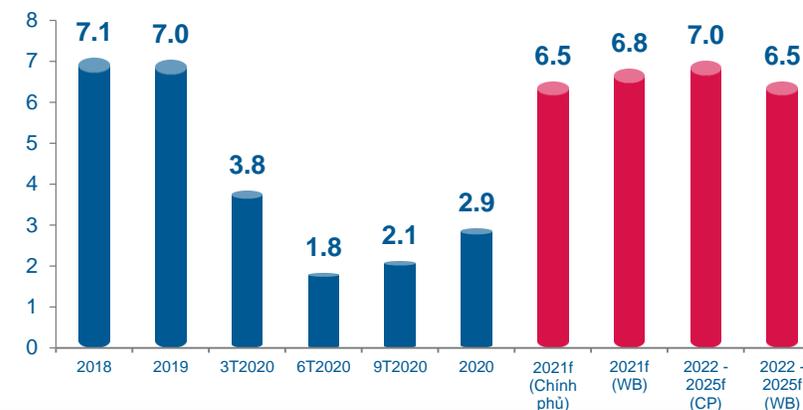
02. Triển vọng năm 2021 Dự báo kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP thế giới năm 2020 - 2021



Nguồn: TCTK, WorldBank, IMF tháng 1/2021

Tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)



Nguồn: TCTK, WorldBank, IMF tháng 1/2021



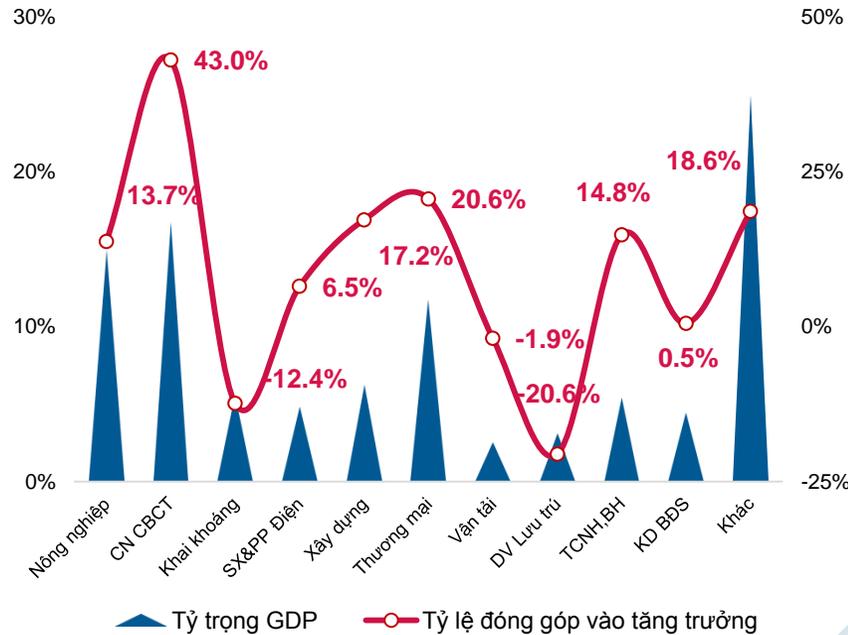
Chỉ số quản lý thu mua - PMI và Chỉ số sản xuất công nghiệp - IIP (%)



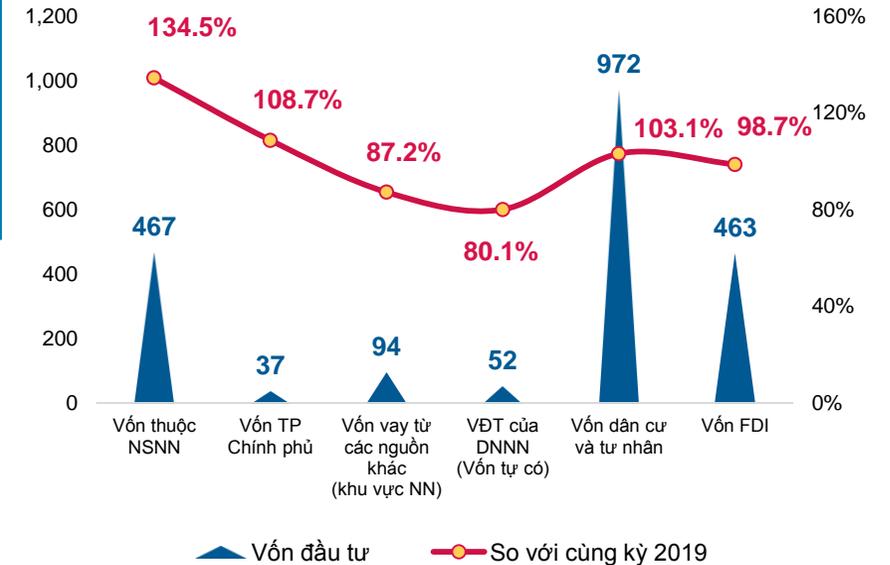
Cán cân thương mại và Vốn FDI (tỷ USD)

02. Triển vọng năm 2021 Dự báo kinh tế vĩ mô

Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng GDP năm 2020



Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2020 (nghìn tỷ đồng, %)



Kinh tế thế giới được dự báo phục hồi trong năm 2021 tuy nhiên còn tiềm ẩn nhiều bất định và phụ thuộc vào phụ thuộc vào tốc độ tiêm chủng vắc-xin diện rộng và độ lan truyền biến thể mới của virus SARS-CoV-2. Kinh tế Việt Nam tăng trưởng tích cực trong năm 2020 với động lực từ xuất khẩu, công nghiệp - xây dựng, dự báo tăng trưởng năm 2021 ở mức 6-6,5% trên cơ sở kiểm soát tốt dịch bệnh, phục hồi của hệ thống DN và các thị trường xuất khẩu chính.

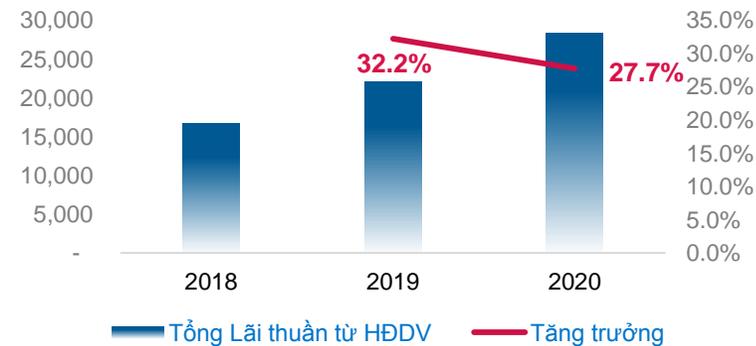
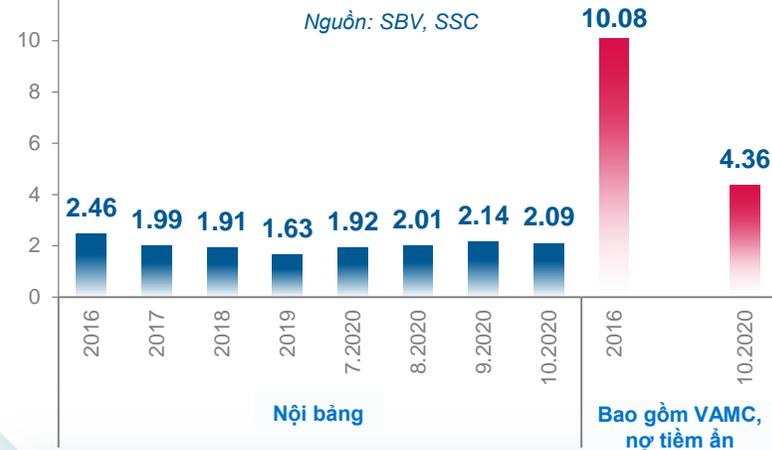


02. Triển vọng năm 2021 Tổng quan kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

Tăng trưởng Vốn hóa TTCK và Tín dụng

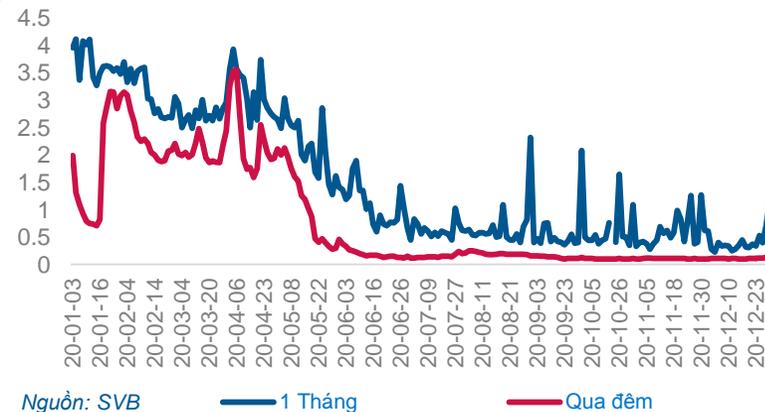


Tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống (%)



Nguồn: Thống kê BCTC 8 ngân hàng niêm yết: CTG, VCB, BID, TCB, VPB, ACB, MBB, STB

Tăng trưởng thu thuần từ dịch vụ các ngân hàng



Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong năm (%)

- Tín dụng và nợ xấu cùng có xu hướng tăng tập trung vào 4 tháng cuối năm, cao hơn dự kiến trong năm của NHNN. Các ngân hàng đẩy mạnh dịch vụ thanh toán di động, ngân hàng điện tử và hợp tác bancassurance (ACB, VietinBank). Thanh khoản hệ thống dồi dào, mặt bằng lãi suất huy động thấp kỷ lục.
- Năm 2021, ngành ngân hàng chịu tác động bởi các yếu tố: các NHTM Nhà nước thực hiện thủ tục tăng vốn sau khi được tháo gỡ cơ chế; chính thức triển khai ICAAP; sửa đổi Thông tư 01 về hỗ trợ Covid-19; triển khai eKYC, đề án Mobile money... cũng như diễn biến của dịch Covid-19 và khả năng kiểm soát nợ xấu với các khoản cho vay phát sinh trong năm 2020.

02. Triển vọng năm 2021 Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của VietinBank (*)

▲ **6% - 12%**

DỰ NỢ TÍN DỤNG

Bảo đảm hiệu quả kinh doanh và cải thiện hoạt động kinh doanh, tiếp tục bám sát diễn biến và tác động của dịch Covid-19 và trên cơ sở phê duyệt của các cấp có thẩm quyền

LN TRƯỚC THUẾ

▲ **8% - 12%**

NGUỒN VỐN

Dự kiến trên 12%, trong đó chia một phần cổ tức bằng tiền mặt và phần còn lại dự kiến chia toàn bộ bằng cổ phiếu. Phương án cụ thể theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

CỔ TỨC

≤ **2%**

TỶ LỆ NỢ XẤU

Tuân thủ quy định của NHNN

TỶ LỆ AN TOÀN

- Chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng tập trung vào các phân khúc có hiệu quả sinh lời cao như SMEs và Khách hàng bán lẻ, ưu tiên nguồn lực tăng trưởng tín dụng cho các ngành nghề tiềm năng như chế biến chế tạo, năng lượng, dịch vụ/hàng hóa thiết yếu... và các vùng kinh tế trọng điểm là động lực tăng trưởng kinh tế của cả nước
- Tăng trưởng nguồn vốn phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, cân đối với tốc độ tăng trưởng dự nợ tín dụng.
- Tập trung đẩy mạnh các mảng hoạt động thu ngoài lãi bao gồm TTTM, Bảo lãnh, Bancassurance, thu phí thẻ và các loại phí mới thông qua việc cung cấp SPDV và giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng
- Kiểm soát chất lượng tài sản có, tăng cường kiểm soát RWA và phát triển các công cụ, mô hình đo lường quản trị rủi ro nhằm duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp và giảm chi phí DPRR
- Quản trị chi phí hiệu quả, ưu tiên nguồn lực đầu tư vào chiến lược số hóa và các dự án chuyển đổi lớn

(*) Số liệu KHKD năm 2021 đang được VietinBank trình Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên 2021

CHIẾN LƯỢC TRUNG HẠN

2021 - 2023

Kết quả MTBP
2018 - 2020

Kế hoạch MTBP
2021 - 2023



03. Chiến lược trung hạn Kết quả MTBP 2018 - 2020



Chú trọng phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, toàn diện cho KH/ nhóm KH, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết phục vụ đồng bộ hệ sinh thái KH. Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đặc biệt các dịch vụ về tư vấn tài chính, bảo hiểm ...tăng cường các hoạt động từ kinh doanh vốn, thị trường, kinh doanh ngoại tệ, phát triển các dịch vụ về bảo hiểm, tư vấn tài chính cho KHDN và cá nhân



Ưu tiên tăng trưởng KHBL và SMEs; tập trung vào các ngành tiềm năng; gắn tăng trưởng với các vùng kinh tế trọng điểm.



Nâng cấp, hoàn thiện và gia tăng tiện ích trên kênh ngân hàng điện tử, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch sang kênh phân phối hiện đại.



Ứng dụng số hóa mạnh mẽ trong phát triển sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại như Blockchain, AI, Smart Digital Branch ứng dụng sinh trắc học và trong công tác quản trị điều hành.



Nâng chuẩn hoạt động theo thông lệ quốc tế, đáp ứng toàn diện chuẩn mực theo Basel II từ đầu năm 2021.



Hoạt động quản trị tài chính triển khai bài bản, phân bổ nguồn lực và sử dụng nguồn lực hiệu quả. Quản trị hiệu quả cân đối vốn và chi phí vốn.



Nâng cao hiệu quả mạng lưới, chất lượng nguồn nhân lực và cải thiện năng suất lao động.



Tăng cường năng lực phân tích dự báo nhận diện sớm và quản trị rủi ro hiệu quả



Quản trị tốt Danh mục tài sản có rủi ro



Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh và phương thức cạnh tranh



Tiên phong và tiêu biểu trong ứng dụng công nghệ



Quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế



Quản lý tốt chất lượng tài sản

03. Chiến lược trung hạn 2021-2023

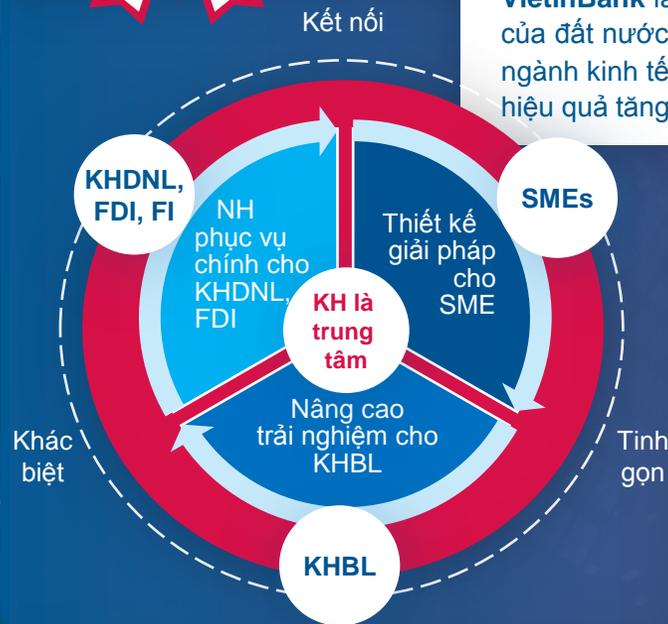
Mục tiêu, chủ điểm chiến lược và các yếu tố nền tảng



Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu Việt Nam - Nằm trong Top 100 NH mạnh nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương
 Là ngân hàng tiên phong trong việc phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông và người lao động

VietinBank là ngân hàng thương mại quốc gia, đóng vai trò trụ cột và chủ lực của nền kinh tế, đồng hành phục vụ cho sự phát triển của đất nước, phát huy lợi thế tiềm năng của ngân hàng, khai thác tối đa nguồn lực nội tại, gắn tăng trưởng của ngân hàng với các ngành kinh tế chủ lực, các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, chủ động tham gia vào quá trình hội nhập. Nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, phát triển ngân hàng tương đương với các ngân hàng hàng đầu khu vực và phát triển bền vững.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN



- Dẫn đầu ở các phân khúc thể mạnh của VietinBank là KHDNL, phát triển mạnh KHBL trên nền tảng hệ sinh thái của KHDNL và hướng tới trở thành ngân hàng hàng đầu về KHBL.
- Cung cấp giải pháp toàn diện và đột phá/ chuyên nghiệp cho các phân khúc khách hàng của VietinBank.
- Chuyển đổi số, đẩy mạnh số hóa kênh phân phối để nâng cao năng lực phục vụ và tối ưu hóa chi phí kinh doanh.

05 CHỦ ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng	Thay đổi phương thức cạnh tranh	Gắn tăng trưởng với kinh tế ngành, vùng trọng điểm	Số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực thực thi nhanh

YẾU TỐ NỀN TẢNG

Liên kết chặt chẽ giữa các phân khúc, giữa VietinBank và công ty con	Khai thác địa bàn trọng điểm , phát triển gắn với ngành kinh tế	Công nghệ và con người là 2 động lực tạo ra sự thay đổi
1. Kiến tạo và triển khai mạnh mẽ VHDN	2. Quản trị đo lường và dữ liệu	3. Vận hành xuất sắc
4. Tối ưu mô hình hoạt động và mạng lưới	5. Quản trị rủi ro theo thông lệ tốt nhất	6. Nhân sự xuất sắc
7. Marketing & Truyền thông chủ động, hiệu quả		

03. Chiến lược trung hạn 2021-2023

Các yếu tố nền tảng đảm bảo thực thi thành công chiến lược



01. TRIỂN KHAI MẠNH MẼ VHDN

- **[Văn hóa DN]** Chuyển đổi mạnh mẽ VHDN thay đổi tư duy hướng tới KH là trung tâm.
- **[Văn hóa]** Xây dựng chương trình nâng cao văn hóa tuân thủ.
- **[Thực thi]** Xây dựng tiêu chuẩn trong mọi hoạt động của các bộ phận và hành vi của từng cán bộ.



03. VẬN HÀNH XUẤT SẮC

- **[Quy trình]** xây dựng các luồng quy trình thẩm định, phê duyệt nhanh cho KH phát triển theo số lớn danh mục; Tự động hóa và đơn giản hóa quy trình hoạt động chuyên biệt theo KH, tối ưu hóa hoạt động nhà máy tín dụng
- **[Chất lượng dịch vụ]** Tập trung cải tiến dịch vụ, nâng cao trải nghiệm và mức độ hài lòng của khách hàng.



02. QUẢN TRỊ ĐO LƯỜNG VÀ DỮ LIỆU

- **[Đo lường]** Chuẩn hóa các công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả. Đánh giá hiệu quả phân khúc khách hàng/ khách hàng/ nhóm khách hàng theo rủi ro và theo lợi ích tổng thể
- **[Quản trị bằng cân đối]** Nâng cao hiệu quả sinh lời của tài sản, quản trị tốt chi phí vốn và NIM toàn hàng.



04. TỐI ƯU MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ MẠNG LƯỚI

- **[Mô hình tổ chức]** Xây dựng, chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp với chiến lược kinh doanh mới
- **[Mạng lưới]** Kiến trúc lại mạng lưới, bổ sung địa bàn trọng điểm với nhiều tiềm năng và quy hoạch lại theo hướng chuyển dịch hoặc chuyển đổi mô hình điểm giao dịch tại một số khu vực có năng suất thấp.

03. Chiến lược trung hạn 2021-2023

Các yếu tố nền tảng đảm bảo thực thi thành công chiến lược



05. QUẢN TRỊ RỦI RO THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Nền tảng quản trị rủi ro đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế hướng tới sự phát triển bền vững của VietinBank

- **[Tư duy]** tổng thể và cách thức phân cấp mô hình thực thi nhanh (theo thẩm quyền) nằm trong KVRR cho phép.
- **[Công cụ]** Tăng cường hiệu quả các công cụ và phương thức quản lý rủi ro gắn với đo lường rủi ro mới. Ứng dụng công nghệ vào quản trị rủi ro, nâng cao năng lực cạnh báo sớm rủi ro tín dụng.



07. MARKETING & TRUYỀN THÔNG CHỦ ĐỘNG, HIỆU QUẢ

- **[Truyền thông]** Thông tin thường xuyên, xuyên suốt, rõ ràng.
- **[Marketing]** Hoạt động marketing gắn với phân khúc khách hàng mục tiêu trên cơ sở am hiểu khách hàng.



06. NHÂN SỰ XUẤT SẮC

- **[Nâng cao năng lực]** xây dựng chương trình đánh giá Gap năng lực và kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực; bổ sung/ đào tạo các năng lực mới.
- **[KPI & cơ chế động lực]** KPI gắn kết giữa các bộ phận với mục tiêu chiến lược chung, KPI và cơ chế động lực đến từng vị trí bán hàng....

03. Chiến lược trung hạn 2021-2023 Các chỉ tiêu kế hoạch



16-18%

MỤC TIÊU ROE



21-23%

TỶ LỆ THU NGOÀI LÃI



16-18%

TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN



<2%

TỶ LỆ NỢ XẤU

Kế hoạch hàng năm sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và phê duyệt của cơ quan quản lý có thẩm quyền



Diễn biến giao dịch
cổ phiếu CTG



Bảng cân đối
kế toán



Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh

Website Quan hệ
Nhà đầu tư



PHỤ LỤC

04. Phụ lục Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG

Chỉ tiêu

Giá trị

Giá phiên giao dịch đầu năm 2020 (02/01/2020)

21.500 đồng/cp

Giá phiên giao dịch cuối năm 2020 (31/12/2020)

34.550 đồng/cp

Biến động giá trong năm 2020

35.400 - 17.200 đồng/cp

Khối lượng giao dịch

1.885.228.184 cp

Giá trị giao dịch

49.250 tỷ đồng

Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Bán ròng 22.476.477 cp

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/2020)

28,88%

EPS

3.674 đồng/cp

P/E (31/12/2020)

9,40x

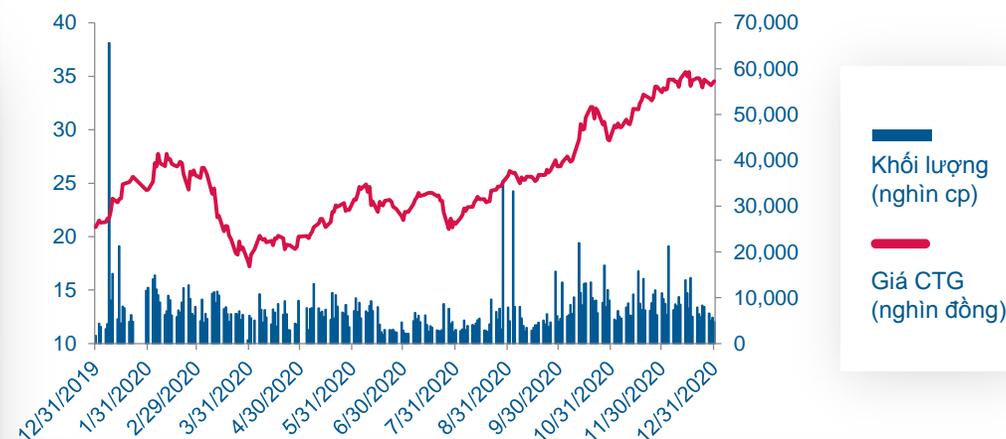
BVPS

22.935 đồng/cp

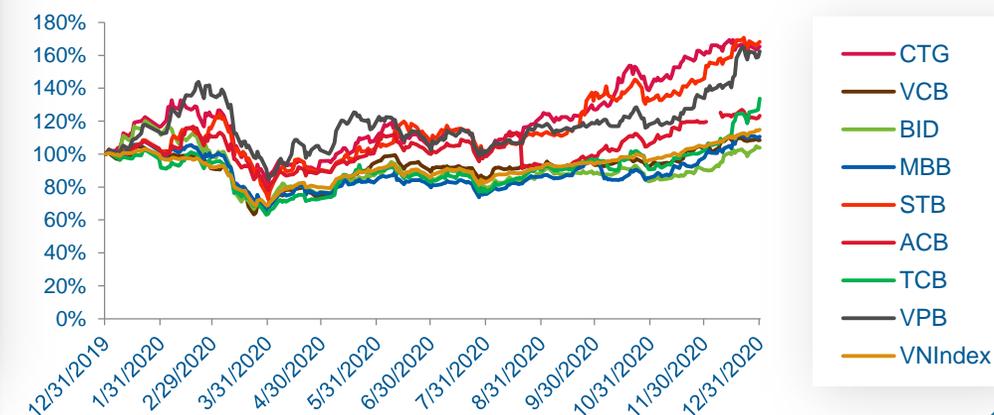
P/B (31/12/2020)

1,51x

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG



Tăng trưởng của VN-Index và cổ phiếu ngân hàng



ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	QIII/2020	QIV/2020
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.187	5.980	7.028	8.283	8.129	9.930
Tiền gửi tại NHNN	13.503	20.756	23.182	24.874	17.214	57.617
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	94.469	107.510	130.512	129.389	128.658	102.533
Chứng khoán kinh doanh	1.895	3.529	3.132	3.825	3.486	5.602
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	683	529	281	470	587	137
Cho vay khách hàng	661.988	790.688	864.926	935.271	958.011	1.015.333
DPRR cho vay khách hàng	(6.899)	(8.303)	(13.060)	(12.946)	(15.122)	(12.562)
Chứng khoán đầu tư	134.227	128.393	102.100	104.615	110.487	114.942
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.203	3.114	3.317	3.283	3.201	3.321
Tài sản cố định	10.624	11.437	11.140	10.997	10.597	10.811
Tài sản có khác	29.689	31.427	31.731	32.651	35.956	33.730
Tổng tài sản có	948.568	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.261.204	1.341.393
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.808	15.207	62.600	70.603	14.715	44.597
Tiền gửi và vay các TCTD khác	85.152	115.159	111.400	109.483	125.879	128.519
Tiền gửi của khách hàng	655.060	752.935	825.816	892.785	939.175	990.331
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	0	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	6.075	6.364	5.934	5.776	5.661	2.733
Phát hành giấy tờ có giá	23.849	22.502	46.216	57.066	63.076	59.876
Các khoản nợ khác	113.315	119.129	45.007	27.643	29.376	29.941
Tổng nợ phải trả	888.261	1.031.296	1.096.973	1.163.357	1.177.882	1.255.998
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.416	46.725	46.725	46.725
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	6.367	7.476	8.168	9.610	9.606	11.605
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	480	551	600	626	527	482
Lợi nhuận chưa phân phối	6.991	9.234	11.837	19.833	25.895	25.985
Vốn chủ sở hữu	60.307	63.765	67.316	77.355	83.322	85.395
Lợi ích của cổ đông thiểu số	260	295	296	561	569	599
Tổng nguồn vốn	948.568	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.261.204	1.341.393

04. Phụ lục

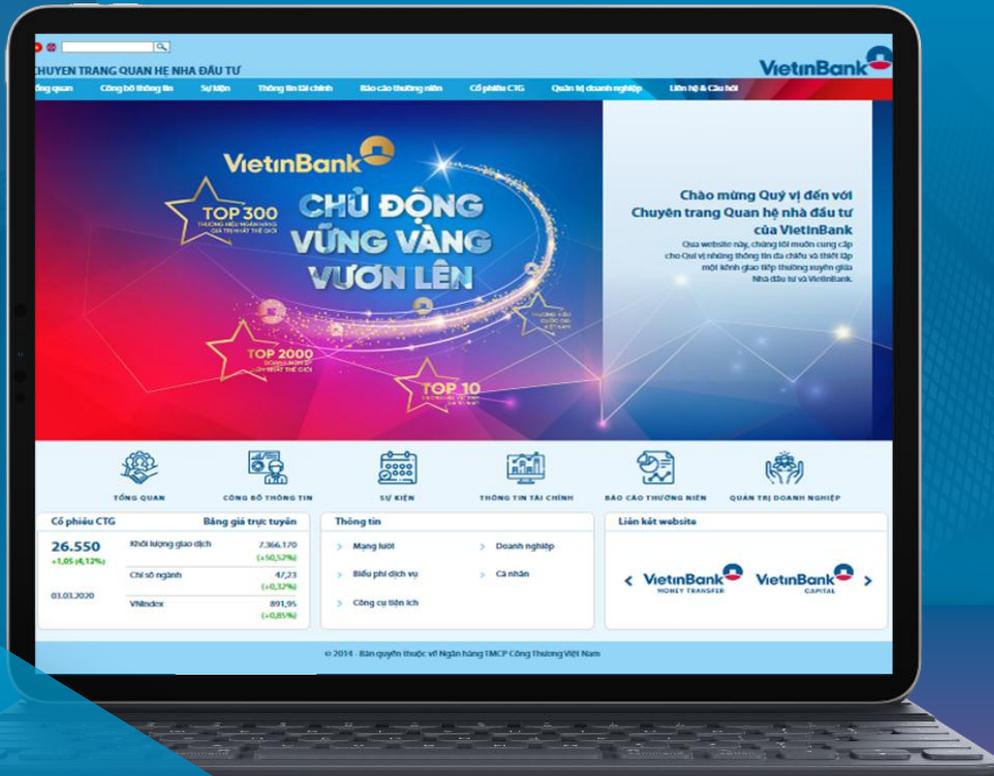
Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	2020
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.890	65.277	73.870	82.743	83.682
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(30.586)	(38.204)	(51.658)	(49.544)	(48.100)
Thu nhập lãi thuần	22.304	27.073	22.212	33.199	35.581
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.334	4.302	5.964	7.888	8.342
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.636)	(2.447)	(3.193)	(3.833)	(4.002)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.698	1.855	2.771	4.055	4.341
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	685	710	710	1.564	2.000
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	184	325	271	366	601
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	41	(81)	218	(791)	361
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.299	1.995	1.889	1.497	1.876
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	150	743	374	628	520
Thu nhập ngoài lãi	4.057	5.547	6.234	7.320	9.699
Tổng thu nhập	26.361	32.620	28.446	40.519	45.280
Chi phí hoạt động	(12.849)	(15.070)	(14.084)	(15.735)	(16.062)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	13.512	17.550	14.361	24.785	29.219
Chi phí DPRR tín dụng	(5.059)	(8.344)	(7.803)	(13.004)	(12.148)
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.454	9.206	6.559	11.781	17.070
Chi phí thuế TNDN	(1.688)	(1.747)	(1.281)	(2.304)	(3.329)
Lợi nhuận sau thuế	6.765	7.459	5.277	9.477	13.741
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(20)	(27)	(2)	(16)	(62)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	6.745	7.432	5.275	9.461	13.679

04. Phụ lục

Báo cáo kết quả HĐKD

04. Phụ lục Website Quan hệ Nhà đầu tư



Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

**Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông - Văn phòng HĐQT
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: investor@vietinbank.vn

Điện thoại: 84.24.39413622

<http://investor.vietinbank.vn>

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.